

Bản án số: 308/2022/HS-ST

Ngày: 16-12-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Trần Thị BI Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Cẩm, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 271/2022/HSST ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022; thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 230/TB-TA ngày 05 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 236/2022/HSST-QĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Sỹ I (Tên gọi khác: T), sinh ngày 04/6/1992, tại tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi thường trú: Thôn H, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Số 08/10 đường T, phường C, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Bùi Sỹ M, sinh năm: 1953; con bà: Trịnh Thị V, sinh năm 1960; vợ: Ngô Thị T, sinh năm 1992; có 02 con lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ 02.

** Quá trình nhân thân:* Lúc nhỏ ở với gia đình tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, học hết lớp 12 thì nghỉ học ở nhà, lao động tự do.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022. Sau đó khởi tố và áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Chị Phạm Thị Tuyết V, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 01/38 kiệt 210 đường Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

- Chị Dương Thị C, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 51 đường T, phường Y, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;
- Chị Lê Thị M, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 19 đường M, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;
- Chị Trần Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 99/3 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;
- Chị Phan Thị Thanh N, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 1B/478 đường H, phường Y, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;
- Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 02/70 đường A, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;
- Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 1339/9 đường A, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;
- Chị Trương Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: TDP Công Lương, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 03/2022, Bùi Sỹ I đến thuê nhà trọ tại số 08/10 đường A, phường B, thị xã C, tỉnh Thừa Thiên Huế để hoạt động cho người khác vay tiền không cần thế chấp, thời hạn vay ngắn, thủ tục đơn giản, với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Bùi Sỹ I sử dụng số điện thoại 0899321631 để liên hệ với các người vay. Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2022 đến ngày 10/8/2022, I đã cho 08 người vay mỗi lần với số tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cụ thể:

* Người vay thứ nhất: Vào cuối tháng 03/2022, I cho chị Phạm Thị Tuyết V vay số tiền 20.000.000 đồng, chu kỳ trả trong 32 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng, I thu tiền phí 1.000.000 đồng, khi đưa tiền thì I trừ ngày đầu và ngày cuối của việc góp ngày, do đó số tiền thực tế I đưa cho chị V là 17.400.000 đồng. Chị V trả I được 22 ngày thì đáo hạn để vay mới, tổng cộng chị V đáo hạn nợ 07 lần. Lần vay mới nhất, I đã thu chị V được 07 ngày, chị V còn phải nộp cho I 25 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính I thu được từ chị V là 39.644.159 đồng.

* Người vay thứ hai: Vào ngày 01/8/2022, I cho chị Dương Thị C vay số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ trả trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, I thu tiền phí người này là 400.000 đồng, khi đưa tiền thì I trừ ngày đầu và ngày cuối của việc góp ngày, do đó số tiền thực tế I đưa cho chị C là 8.800.000 đồng. Chị C trả I được 12 ngày, chị C còn phải nộp cho I 20 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính I thu được từ chị C là 984.246 đồng.

* Người vay thứ ba: Vào ngày 20/3/2022, I cho chị Lê Thị M vay số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ trả trong 31 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, chị M đáo hạn nợ I 03 lần; lần vay đầu I không thu tiền phí, lần đáo hạn đầu tiên và lần vay thứ 02, I thu tiền phí là 400.000 đồng và lần đáo hạn thứ 03 I thu tiền phí từ chị M

là 600.000 đồng. Vào lần vay mới nhất thì chị M trả I được 07 ngày, chị M còn phải nộp cho I 24 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính I thu được từ chị M là 8.593.985 đồng.

* Người vay thứ tư: Vào tháng 04/2022, I cho chị Trần Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ trả trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, I thu tiền phí 400.000 đồng, khi đưa tiền thì I trừ ngày đầu và ngày cuối của việc góp ngày, do đó số tiền thực tế I đưa cho chị H là 8.800.000 đồng. Chị H trả I được 07 ngày nên chị H phải nộp cho I 25 ngày nữa. Ngoài ra tháng 05/2022 chị H còn vay trả lãi đứng số tiền 10.000.000 đồng, gồm 500.000 đồng tiền phí, cứ 05 ngày sẽ trả I 500.000 đồng tiền lãi, hiện đã góp được 08 lần với 4.000.000 đồng tiền lãi, chị H chưa trả cho I số tiền gốc 10.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính I thu được từ chị H là 5.474.144 đồng.

* Người vay thứ năm: Vào tháng 07/2022, I cho chị Phan Thị Thanh N vay số tiền 7.000.000 đồng, chu kỳ trả trong 42 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, I thu tiền phí người này là 400.000 đồng, khi đưa tiền thì I trừ ngày đầu và ngày cuối của việc góp ngày, do đó số tiền thực tế I đưa cho chị N là 6.200.000 đồng. Đến nay chị N trả I được 38 ngày nên còn phải nộp cho I 04 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính I thu được từ chị N là 1.520.912 đồng.

* Người vay thứ sáu: Vào đầu tháng 08/2022, I cho anh Nguyễn Hữu T vay số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, I thu tiền phí là 500.000 đồng, khi đưa tiền thì I trừ ngày đầu và ngày cuối của việc góp ngày, do đó số tiền thực tế I đưa là 8.500.000 đồng. Đến nay anh T đã trả I được 05 ngày nên còn phải trả cho I 20 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính I thu được từ anh T là 972.603 đồng.

* Người vay thứ bảy: Vào cuối tháng 05/2022, I cho chị Nguyễn Thị Thùy T vay số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, I thu tiền phí là 250.000 đồng, khi đưa tiền thì I trừ ngày đầu và ngày cuối của việc góp ngày, do đó số tiền thực tế I đưa là 4.250.000 đồng. Chị T đáo hạn vay mới tổng cộng 06 lần. Hiện chị T còn nợ I 02 chân vay 5.000.000 đồng mỗi chân, đã góp được 14 ngày và còn phải góp mỗi chân 11 ngày nữa (Tương đương số tiền 5.500.000 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính I thu được từ chị T là 10.412.324 đồng.

* Người vay thứ tám: Vào cuối tháng 04/2022, I cho chị Trương Thị H vay số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, I thu tiền phí là 250.000 đồng, khi đưa tiền thì I trừ ngày đầu và ngày cuối của việc góp ngày, số tiền thực tế I đưa cho chị H là 4.250.000 đồng. Chị H trả I đáo hạn để vay mới tổng cộng 02 lần. Tiếp đó vay I số tiền 10.000.000 đồng, tiền phí là 500.000 đồng, tiền góp hàng ngày là 500.000 đồng; chị H đáo hạn để vay mới 01 lần. Sau đó, chị H còn vay trả lãi đứng số tiền 5.000.000 đồng, gồm 250.000 đồng tiền phí, cứ 10 ngày sẽ trả I 750.000 đồng tiền lãi, hiện đã góp được 02 lần (1.500.000 đồng) tiền lãi. Chị H còn nợ I 5.000.000 đồng tiền gốc của vay đứng; 10.000.000 đồng tiền còn phải góp 20 ngày của lần vay thứ 02 và 2.000.000 đồng tiền góp 08 ngày của lần vay ban đầu, tổng cộng chị H còn phải trả I

17.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính I thu được từ chị H là 9.502.052 đồng.

Bùi Sỹ I cho người vay 1 vay tổng số tiền 140.000.000 đồng, với lãi suất 319,38%/năm, đã thu lợi số tiền 39.644.159 đồng; cho người vay thứ 2 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 319,38%/năm, đã thu lợi số tiền 984.246 đồng; cho người vay thứ 3 vay tổng số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất 282,58%/năm, đã thu lợi số tiền 8.593.985 đồng; cho người vay 4 vay tổng số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 319,38%/năm, đã thu lợi số tiền 5.474.144 đồng; cho người vay 5 vay số tiền 7.000.000 đồng, với lãi suất 173,81%/năm, đã thu lợi số tiền 1.520.912 đồng; cho người vay 6 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 365%/năm, đã thu lợi số tiền 972.603 đồng; cho người vay 7 vay tổng số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất 365%/năm, đã thu lợi số tiền 10.412.324 đồng; cho người vay 8 vay tổng số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất 365%/năm, đã thu lợi số tiền 9.502.052 đồng.

Như vậy, Bùi Sỹ I đã cho tổng cộng 08 người vay tổng cộng 307.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 173,81%/năm đến 365%/năm, đều lớn hơn gấp 05 lần so với lãi suất mà pháp luật cho phép (20%/năm) để thu lợi bất chính số tiền 77.104.425 đồng. Toàn bộ số tiền thu lợi bất chính được Bùi Sỹ I sử dụng vào việc cho người khác vay lại và chi phí sinh hoạt, tiêu xài cá nhân.

** Vật chứng tạm giữ:*

- 01 (một) điện thoại di động Nokia, gắn thẻ sim có số thuê bao 0899321631;
- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 500.000 đồng.

** Về trách nhiệm dân sự:* Không ai có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 286/CT-VKSTPH ngày 03 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Bùi Sỹ I về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Sỹ I phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ). Phạt bổ sung bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

+ Buộc bị cáo Bùi Sỹ I phải nộp lại số tiền gốc cho vay đã thu lại được 246.903.898 đồng và số tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 3.841.829 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước. Khấu trừ số tiền 500.000 đồng đã tạm giữ của bị cáo. Số tiền còn lại bị cáo phải nộp là 250.245.727 đồng.

+ Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền nợ gốc chưa trả cho Bùi Sỹ I tổng cộng là 60.096.102 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Trong đó số tiền mỗi người phải nộp lại như sau: Chị Phạm Thị Tuyết V nộp lại số tiền 15.625.000 đồng, chị Dương Thị C nộp lại số tiền 6.250.000 đồng, chị Lê Thị M nộp lại số tiền 7.741.935 đồng, chị Trần Thị H nộp lại số tiền 7.812.500 đồng, chị Phan Thị Thanh N nộp lại số tiền 666.667 đồng, anh Nguyễn Hữu T nộp lại số tiền 8.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thùy T nộp lại số tiền 4.400.000 đồng và chị Trương Thị H nộp lại số tiền 9.600.000 đồng.

+ Buộc Bùi Sỹ I phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền thu lợi bất chính tổng cộng 77.104.425 đồng. Trong đó số tiền Bùi Sỹ I phải trả lại cụ thể như sau: Trả lại cho chị Phạm Thị Tuyết V số tiền 39.644.159 đồng, trả lại cho chị Dương Thị C số tiền 984.246 đồng, trả lại cho chị Lê Thị M số tiền 8.593.985 đồng, trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 5.474.144 đồng, trả lại cho chị Phan Thị Thanh N số tiền 1.520.912 đồng, trả lại cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 972.603 đồng, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 10.412.324 đồng và trả lại cho chị Trương Thị H số tiền 9.502.052 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, gắn thẻ sim có số thuê bao 0899321631; tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 500.000 đồng.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ tháng 3/2022 đến ngày 10/8/2022, tại thành phố Huế, Bùi Sỹ I đã cho tổng cộng 08 người vay, với mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, tổng cộng 307.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 173,81%/năm đến 365%/năm, cao hơn từ 8,69 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền Bùi Sỹ I thu lợi bất chính là 77.104.425 đồng.

Với hành vi nêu trên, Bùi Sỹ I bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[3] Về nhân thân, tinh tiết tưng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tinh tiết tưng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tinh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tì, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa. Do bị cáo công việc, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 307.000.000 đồng mà bị cáo Bùi Sỹ I sử dụng cho 08 người vay, đây là số tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước. Cụ thể: Buộc bị cáo nộp lại số tiền 246.903.898 đồng, chị Phạm Thị Tuyết V nộp lại số tiền 15.625.000 đồng, chị Dương Thị C nộp lại số tiền 6.250.000 đồng, chị Lê Thị M nộp lại số tiền 7.741.935 đồng, chị Trần Thị H nộp lại số tiền 7.812.500 đồng, chị Phan Thị Thanh N nộp lại số tiền 666.667 đồng, anh Nguyễn Hữu T nộp lại số tiền 8.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thùy T nộp lại số tiền 4.400.000 đồng và chị Trương Thị H nộp lại số tiền 9.600.000 đồng.

- Đối với số tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 3.841.829 đồng. Đây là số tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội nên cần truy thu để nộp vào ngân sách nhà nước.

Như vậy tổng số tiền truy thu từ bị cáo để nộp vào Ngân sách Nhà nước là 246.903.898 đồng + 3.841.829 đồng = 250.745.727 đồng. Khấu trừ số tiền 500.000 đồng đã tạm giữ của bị cáo. Số tiền còn lại bị cáo phải nộp là 250.245.727 đồng.

- Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và tiền phí làm hồ sơ mà bị cáo đã thu của 08 người vay tổng cộng là 77.104.425 đồng là số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính từ 08 người vay nên cần buộc bị cáo trả lại cho những người này. Cụ thể, buộc bị cáo trả lại cho chị Phạm Thị Tuyết V số tiền 39.644.159 đồng, trả lại cho chị Dương Thị C số tiền 984.246 đồng, trả lại cho chị Lê Thị M số tiền 8.593.985 đồng, trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 5.474.144 đồng, trả lại cho chị Phan Thị Thanh N số tiền 1.520.912 đồng, trả lại cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 972.603 đồng, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 10.412.324 đồng và trả lại cho chị Trương Thị H số tiền 9.502.052 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, gắn thẻ sim có số thuê bao 0899321631 đây là phương tiện mà bị cáo dùng liên lạc với những người vay để thực hiện việc cho vay lãi nặng nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 500.000 đồng, đây là số tiền bị cáo dùng để thực hiện việc cho vay lãi nặng nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Sỹ I (Tâm) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Sỹ I 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ: được tính kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền của Bùi Sỹ I gồm: Tiền gốc dùng để cho vay là 246.903.898 đồng và tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 3.841.829 đồng. Tổng cộng là 250.745.727 đồng. Khấu trừ số tiền 500.000 đồng đã tạm giữ của Bùi Sỹ I. Số tiền còn lại Bùi Sỹ I phải nộp là 250.245.727 đồng (Hai trăm năm mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng).

- Truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau: Chị Phạm Thị Tuyết V số tiền 15.625.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng); chị Dương Thị C số tiền 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); chị Lê Thị M số tiền 7.741.935 đồng (Bảy triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng); chị Trần Thị H số tiền 7.812.500 đồng (Bảy triệu tám trăm

mười nghìn năm trăm đồng); chị Phan Thị Thanh N số tiền 666.667 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng); anh Nguyễn Hữu T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) và chị Trương Thị H số tiền 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Phạm Thị Tuyết V số tiền 39.644.159 đồng, trả lại cho chị Dương Thị C số tiền 984.246 đồng, trả lại cho chị Lê Thị M số tiền 8.593.985 đồng, trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 5.474.144 đồng, trả lại cho chị Phan Thị Thanh N số tiền 1.520.912 đồng, trả lại cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 972.603 đồng, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 10.412.324 đồng và trả lại cho chị Trương Thị H số tiền 9.502.052 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong (khoản tiền thu lợi bất chính phải trả lại), bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, gắn thẻ sim có số thuê bao 0899321631 và tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 500.000 đồng.

Vật chứng này có các đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/11/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc Bùi Sỹ I phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND TP Huế;
- CA thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tôn Minh Hiền